

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/2025/QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 07 tháng 3 năm 2025

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN: <u>C</u>
Ngày: <u>17.12.2025</u>

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

CÔNG VĂN ĐẾN

Giờ 8 Ngày 17/3

Kính chuyển TTĐT

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự thảo giá thị trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2025.

2. Các Quyết định số 09/2015/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định quản lý Nhà nước về Giá trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 17 tháng 05 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành quy định quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng hết hiệu lực khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực XIII; Chủ tịch Ủy ban nhân

các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính (Vụ pháp chế);
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Kho bạc Nhà nước khu vực XIII;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh; Báo Lâm Đồng;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP;
- Trung tâm tích hợp dữ liệu và chuyển đổi số;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Hồng Thái



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
(Kèm theo Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về việc phân công tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh theo nhiệm vụ quy định tại Luật Giá số 16/2023/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá.
2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1. BÌNH ỔN GIÁ

Điều 3. Phân công trách nhiệm trong việc thực hiện bình ổn giá

1. Sở Tài chính:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình cơ quan có thẩm quyền về đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá trên cơ sở đề xuất của các sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện một hoặc một số phương thức để xác định nguyên nhân biến động giá, làm cơ sở cho việc lựa chọn áp dụng biện pháp, thời hạn và phạm vi bình ổn giá phù hợp khi có chủ trương bình ổn giá của Chính phủ và hướng dẫn của bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

c) Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá phù hợp trong trường hợp mặt bằng giá thị



trường hàng hóa dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá có biến động bất thường tại địa phương theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 của Luật Giá sau khi có văn bản đề nghị bình ổn giá của các sở quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bình ổn giá của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

2. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan khác có liên quan:

a) Thực hiện các biện pháp bình ổn giá theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định tại khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ; các biện pháp bình ổn giá thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo ngành, lĩnh vực quản lý và nhiệm vụ được phân công:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường: Các mặt hàng thóc tẻ, gạo tẻ; phân đạm, phân DAP, phân NPK; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản; vắc-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm; thuốc bảo vệ thực vật;

- Sở Công Thương: Các mặt hàng xăng, dầu thành phẩm; khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);

- Sở Y tế: Các mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi, thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

- Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực: Hàng hóa, dịch vụ được bổ sung vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá và hàng hóa, dịch vụ không nằm trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá nhưng cần bình ổn giá ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 của Luật Giá. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý của nhiều sở, ngành thì Ủy ban nhân dân tỉnh phân công cho một trong các sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ chủ trì.

b) Thực hiện đánh giá diễn biến thực tế và mặt bằng giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn để xây dựng báo cáo bình ổn giá; gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá phù hợp.

c) Tổ chức kiểm tra hoặc phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra việc chấp hành quy định của Nhà nước về bình ổn giá đối với các mặt hàng thuộc ngành, lĩnh vực quản lý trong thời gian áp dụng biện pháp bình ổn giá.

3. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ:

a) Chấp hành biện pháp bình ổn giá đã được công bố.

b) Thực hiện kê khai lần đầu, kê khai lại mức giá hàng hóa, dịch vụ đang thực hiện kể từ ngày biện pháp bình ổn giá được áp dụng.

Mục 2. ĐỊNH GIÁ

Điều 4. Phân công trách nhiệm trong việc thẩm định, trình quyết định về giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Sở Tài chính:

a) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 8 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP trên cơ sở đề xuất của các sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực.

b) Có ý kiến về phương án giá hàng hóa, dịch vụ khi các sở, ngành, địa phương được giao nhiệm vụ thẩm định phương án giá theo điểm d khoản 2 Điều này gửi đến.

2. Các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh:

a) Đề xuất và phối hợp với Sở Tài chính về việc tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ định giá.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực đối với các trường hợp chưa có quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật theo quy định của pháp luật liên quan.

c) Lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá đối với các hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

d) Thẩm định phương án giá, trình Ủy ban nhân dân tỉnh định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực theo phân công được quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

Khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ngành thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm tham gia xây dựng, đề xuất phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quy định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Luật Giá.

4. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ:

a) Có trách nhiệm lập phương án giá hàng hóa, dịch vụ theo điểm b, d khoản 1 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền nêu tại khoản 2 Điều này.

b) Căn cứ khung giá, mức giá do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định, tự quyết định mức giá hàng hóa, dịch vụ do mình cung cấp nhưng không vượt quá mức giá tối đa theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật liên quan.

Mục 3. KÊ KHAI GIÁ

Điều 5. Phân công trách nhiệm thực hiện kê khai giá

1. Sở Tài chính tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh:
 - a) Điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thực hiện kê khai giá theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP trên cơ sở đề xuất của các sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực.
 - b) Ban hành Danh sách kê khai giá theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 16 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.
2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương theo chức năng quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ đặc thù kê khai giá theo quy định tại Mục B Phụ lục V kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.
3. Cơ quan tiếp nhận kê khai giá được quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này. Hình thức tiếp nhận kê khai giá thực hiện qua phần mềm cơ sở dữ liệu về giá.
4. Tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ được quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng có trách nhiệm kê khai giá theo khoản 1 Điều 17 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP. Trường hợp tổ chức kinh doanh chưa có tên trong Danh sách kê khai giá theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì kịp thời báo cáo, cung cấp thông tin, gửi Sở Tài chính để bổ sung.

Mục 4. KIỂM TRA YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ

Điều 6. Phân công trách nhiệm kiểm tra yếu tố hình thành giá

1. Các sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi chuyên ngành quản lý nhà nước về bình ổn giá, định giá, kê khai giá được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại Điều 3, Điều 4 và Điều 5 Quy định này và các nhiệm vụ khác liên quan theo quy định của pháp luật.
2. Sở Tài chính chủ trì thực hiện nhiệm vụ kiểm tra yếu tố hình thành giá theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Mục 5. TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, DỰ BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG, BÁO CÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG

Điều 7. Phân công nhiệm vụ thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường

1. Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Các sở, ngành, địa phương và tổ chức có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính để triển khai công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường trong lĩnh vực, phạm vi quản lý khi có yêu cầu.

Điều 8. Báo cáo giá thị trường

1. Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo giá thị trường định kỳ, đột xuất gửi Bộ Tài chính theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

2. Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Y tế, Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện báo cáo giá thị trường định kỳ, đột xuất đối với danh mục hàng hóa, dịch vụ theo lĩnh vực ngành quản lý quy định tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

3. Chi Cục Thống kê tỉnh phối hợp cung cấp báo cáo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của địa phương; phân tích diễn biến chỉ số giá tiêu dùng của địa phương trong kỳ báo cáo (nếu có); phân tích thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến CPI (nếu có).

4. Thời hạn của báo cáo giá thị trường định kỳ gửi về Sở Tài chính trước ngày 25 của tháng đối với báo cáo tháng và trước ngày 25 của tháng cuối cùng của kỳ báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm.

5. Nội dung báo cáo giá thị trường thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của Luật Giá; thực hiện báo cáo theo danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục II và theo mẫu quy định tại Phụ lục IV của Thông tư số 29/2024/TT-BTC quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

Mục 6. CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIÁ

Điều 9. Phân công trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngành, địa phương theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu về giá, cập nhật thông tin, dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngành, địa phương theo hướng dẫn của Sở Tài chính.

Điều 10. Phân công trách nhiệm cập nhật thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

2. Các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do sở, ngành, cơ quan chủ trì tham mưu.

b) Giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền sở, ngành, cơ quan tiếp nhận kê khai giá.

c) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do sở, ngành, cơ quan mình chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

d) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do sở, ngành, cơ quan mình quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương, gồm:

a) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập.

b) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, tham mưu ban hành hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

Mục 7. THANH TRA CHUYÊN NGÀNH VỀ GIÁ, KIỂM TRA VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ GIÁ, THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 11. Phân công trách nhiệm thanh tra chuyên ngành về giá

1. Sở Tài chính thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về giá trong phạm vi địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Hoạt động thanh tra chuyên ngành về giá thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.

3. Sở Tài chính thực hiện xử lý hành vi vi phạm pháp luật về giá theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và pháp luật về thanh tra.

Điều 12. Phân công trách nhiệm kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

1. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo chức năng, nhiệm vụ về quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực, địa phương quản lý.

2. Trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Những nội dung về quản lý của Nhà nước không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định của Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân căn cứ chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền quy định tại Quy định này để tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về giá tại địa phương.

3. Các cơ quan thực hiện sắp xếp tổ chức lại bộ máy theo quy định tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả thì các nhiệm vụ được phân công tại Quy định này được thực hiện tại cơ quan mới theo quy định.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh bằng văn bản để Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết./.

**Phụ lục**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 12./2025/QĐ-UBND
ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Phụ lục I

**PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN
TRONG VIỆC THẨM ĐỊNH, TRÌNH QUYẾT ĐỊNH GIÁ ĐỐI VỚI
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THUỘC THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH GIÁ
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thẩm định phương án giá
I	Định khung giá	
1	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường
II	Định giá tối đa	
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng
2	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Xây dựng
3	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp
4	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
III	Định giá cụ thể	
III.1	Định giá cụ thể theo khung giá, giá tối đa của Bộ	
1	Nước sạch	
1.1	Nước sinh hoạt nông thôn	Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì; Sở Tài chính phối hợp
1.2	Nước sạch sinh hoạt đô thị	Sở Xây dựng chủ trì, Sở Tài chính phối hợp
2	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập	Sở Y tế

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thẩm định phương án giá
3	Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Y tế
III.2	Định giá cụ thể	
1	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương	Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực
4	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ	Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Dịch vụ nghỉ trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng
6	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân	Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)	Sở Xây dựng
8	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thẩm định phương án giá	
9	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	
10	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước	Sở Công Thương	
IV	Theo lĩnh vực định giá khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ		
1	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực	

Phụ lục II

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM VỀ THỰC HIỆN KÊ KHAI GIÁ

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá tại địa phương và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ
A	Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước	
I	Hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá	
1	Xăng, dầu thành phẩm	Sở Công Thương
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	Sở Công Thương
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế
4	Thóc tẻ, gạo tẻ	Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Phân đạm; phân DAP; phân NPK	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	Sở Nông nghiệp và Môi trường
8	Thuốc bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
II	Hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định mức giá cụ thể bán cho người tiêu dùng	
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng
2	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Xây dựng
4	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá tại địa phương và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	
5	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
6	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực	
III	Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành		
1	Xi măng	Sở Xây dựng	
2	Nhà ở, nhà chung cư	Sở Xây dựng	
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê)	Sở Xây dựng	
4	Thép xây dựng	Sở Công Thương	
5	Than	Sở Công Thương	
6	Etanol nhiên liệu không biến tính	Sở Công Thương	
7	Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG)	Sở Công Thương	
8	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
9	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
10	Muối ăn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
11	Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ	Sở Xây dựng	
12	Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế	
13	Thiết bị y tế	Sở Y tế	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá tại địa phương và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ
14	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	Sở Y tế
15	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân	Sở Y tế
B	Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương	
1	Dịch vụ lưu trú	- Cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Cơ quan tiếp nhận kê khai giá: Ủy ban nhân dân cấp huyện.
2	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng
3	Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn	- Cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Cơ quan tiếp nhận kê khai giá: Ủy ban nhân dân cấp huyện.
4	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Sở Xây dựng
5	Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch	Sở Xây dựng
6	Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước)	Sở Xây dựng
7	Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường
8	Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá	Sở Công Thương

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá tại địa phương và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ
9	Dịch vụ kinh doanh nước khoáng nóng	- Cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan tiếp nhận kê khai giá: Ủy ban nhân dân cấp huyện.